

CÂU ĐỐ

Theo số câu và chữ đầu tiếng đầu câu mà tìm ở mục "Giảng các câu đố" ở cuối sách.

A

- 1 — À hợp cùng anh,
Duyên ưa phận đẹp.
Chồng có phép giơ bụng ra ngoài,
Vợ có tài thắt lưng cho gọn.
- 2 — Anh kia hay ngón xuyên tâm.
- 3 — Anh ngồi đầu, em cũng ngồi châu,
Anh yêu em, anh mớm quết giàu cho em.
- 4 — Anh hùng bé, anh hùng khôn,
Sáng rạng ngày ra tới cửa công môn.
Miếng ngon, vật lạ cũng đến mồm,
Giải lạnh, gái tốt cũng được hôn.
- 5 — Áo đơn, áo kép đứng nép bờ ao.

Ã

- 1 — Ăn dẳng bụng, ia dẳng lưng,
Động mớ đến sừng, thì vãi cút ra.

B

- 1 — Ba cây, một quả, ra-rả những hột.
- 2 — Ba bà mà rạn chân ra,
Một ông đứng giữa mà tra c... vào.
- 3 — Ba chục cùng ở một lồng,
Một chục có mông, hai chục thì không.
- 4 — Ba thằng nó ở ba thôn,
Đến khi nó chết, nó dòn vào với nhau.
- 5 — Ba thằng xuống tắm ao tròn,
Hai thằng nát thịt, một thằng còn xương.
- 6 — Ba ông ngồi ghế,
Một ông cây thế, một ông cây thần,
Một ông lặn-ngần dứt b... vào bếp.
- 7 — Bác mẹ sinh ra vốn che tàn,
Ngồi đầu cũng có các nàng hầu bên.
Khi thái-bình chẳng ai dùng đến,
Lúc hoạn-nạn sừng bằng tiên

- 8 — Bắc nam sao khéo não-nùng,
Bấm thì cho bấm, nắm cùng không cho.
Nắm thì nửa liệu, nửa lo,
Không quản hơn thiệt, không đo ngắn dài.
- 9 — Bằng quả chay nhay-nhay những máu,
Con cháu đòi ăn, bà chẳng cho ăn, bà
[đem bà bán,
- 10 — Bất ngôn nhi tín, bất nộ nhi uy,
Tam niên nhất thực, tự-nhiên phi.
- 11 — Bi-bà bì-bạch, trắng bạch như cò.
Ôm lưng, bóp vú, kéo co lên giường.
- 12 — Bì-bà bì-bạch chân cò,
Bì-ba bí-bách nằm co giữa giường.
Đoạn rời sờ vú, sờ sườn,
Sờ sao cho nó đỡ buồn thì thôi.
- 13 — Bộ tịch quan anh xấu lạ lưng,
Khom lưng, uốn gối cả đời cong.
Lưỡi to mà sức ăn ra khoét.
Cái kiếp theo đuôi có thẹn không?
- 14 — Bốn chân chong-chóng, hai bụng kề nhau.
Cắn giữa phao câu, nghiêng đi, nghiêng lại.
- 15 — Bốn con cùng ở một nhà,
Mẹ thời chia của con ra nhà người.
- 16 — Bốn chân đập đất, cổ cật thượng thiên,
Da bán lấy tiền, còn xương để lại.

- 17 — Bốn chân mà lại có đuôi,
Đầu như đầu b..., lưng lại gù lưng.
- 18 — Bốn ông đập đất, một ông phất cờ,
Một ông vợ cò, một ông bỏ phàn.
- 19 — Bốn người giẫm đất, một người phất cờ,
Hai người lẳng-lơ, hai người quặt mát.
- 20 — Bốn ông cùng ngồi một bàn,
Cùng uống một chén, cùng than một nhời:
Ta rằng: ta đã sáu mươi,
Sinh con lên mười đã được làm quan.
- 21 — Bốn bên thành lũy không thấp, không cao,
Cò sông, có nước, cá chẳng vào.
Voi đi đến đấy dừng chân lại,
Đòi bên văn vũ nghĩ làm sao (1)?
- 22 — Bốn bề thành lũy nghiêm trang,
Ở giữa có cửa, ở trên có đình.
Trong thì quan sĩ nương mình,
Quân kéo ngoài thành kèn thổi tò-te.
- 23 — Bốn anh cùng ở một nhà,
Cùng sinh một giống, cùng ra một hình.
Một anh thì đỗ cống sinh (2),
Một anh quỉ quái như tinh trong nhà (3),
Một anh thì xấu nứt-na (4),
Một anh ăn vụng cả nhà đều ghen (5).
- (1) — Chiều thần hoặc Bảy giờ binh-sĩ luận làm sao.
(2) — Anh cả đi lính tuân thành,
(3) — Anh hai nhỏ nhắn ra tình quan văn,
(4) — Anh ba ứng-vụ tòng quân,
(5) — Anh tư đến gần bạn chẳng ai chơi.

- 24 — Bụng rỗng lưng tròn, sắc *xám-xanh* (1),
 Đố gì mà cũng tiếng quan anh,
 Sáu mươi tuổi *chẵn* (2) giờ ban phúc,
 Không lỗi thì sao giữ được danh.

C

- 1 — Cả nhà có một bà *trắng toát* (3).
 2 — Cả nhà có một bà ăn cơm trước.
 3 — Cả nhà có một bà hay la-liếm.
 4 — Cái gò thây lầy bấy cái lỗ cua.
 5 — Cái trống mà thùng hai đầu,
 Bên Ta thì có, bên Tàu thì không.
 6 — Cái hoa tim-tim, cái nhị điều-diều,
 Đàn ông đăm nhiều, đàn bà đăm ít.
 7 — Cái chân đi trước, cái bụng đi sau,
 Cái mắt cái đầu, cách nhau một thước.
 8 — Cái gì như thể khi giờ,
 Ngày đêm quanh-quần ở nơi cạnh mình.
 Không hương, không sắc, không hình,
 Không hình, không sắc mà mình khôn qua.

(1) — Da chi (2) — Thọ. (3) — Hay ăn cơm trắng.

- 9 — Canh một thì giải chiếu ra,
 Canh hai bóp vú, canh ba sờ l...
 Canh tư thì lắc xom-xom,
 Canh năm cuộn chiếu ấm con mà về.
 10 — Cây lẩn-tẩn dễ ăn, khó trèo,
 11 — Cây lẻo-tẻo dễ trèo, khó ăn.
 12 — Cây tầm-vòng, lá tầm-vành,
 Ăn sống thì lành, nấu canh thì độc.
 13 — *Cây* (1) xanh, *lá* (2) đỏ, hoa vàng,
 Hạt đen, rễ trắng, đố chàng biết chi.
 14 — Cây bên Ta, lá bên Tàu,
 Nhà sang thì có, nhà giàu thì không.
 15 — Cây bên Ta, lá bên Ngô,
 Cái ngọn tây bồ, cái gốc tây tằm.
 16 — Cây cao ngàn trượng, lá rụng tứ-tung,
 Nấu thì được, nướng thì không.
 17 — Cây bung-xung, lá bung-xoe,
 Mùa đông nở trứng, mùa hè ấp con.
 18 — Cây vô thước, lá ba khe,
 Sinh mùa hè, tử mùa đông.
 Sinh bạch, tử hồng.
 19 — Cây ngô-dồng không rễ mà mọc,
 Rễ ngô-dồng, không dọc mà ngang,
 Quả dưa gang ngoài vàng, trong trắng.

(1) — Lá. (2) — Canh.

- 20 — Cò quăm lấy ở dưới đầm,
Đem về nấu nướng kỹ-cầm cả đêm,
Nước hết thì lại đổ thêm,
Nấu đi, nấu lại mới mềm cò quăm.
- 21 — Có mái mà không có sống,
Có đai mà không có ỉa.
- 22 — Có cây mà chẳng có cành,
Có quả đề dành mà cúng tiền sư
- 23 — Có chân mà chẳng có tay,
Có hai con mắt ăn mày dương gian.
- 24 — Có cây mà chẳng có cành,
Có hai thằng bé đập-dềnh đòi bèn.
- 25 — Có mặt mà chẳng có mồm,
Có hai bên má lồm-xồm những lòng.
- 26 — Có tú mà chẳng có tài,
Cầm ngang ngọn giáo đâm ngoài đất đai.
- 27 — Có cay mà chẳng có thơm,
Có lưỡi, có mũi mà chẳng có mồm.
- 28 — Có cổ mà không có đầu,
Hai chân trước thì ngắn, hai chân sau thì dài.
- 29 — Có đầu mà chẳng có đuôi,
Có một khúc giữa cứng ruồi lại mềm.

- 30 — Có chuôm mà chẳng có chà,
Có hai con cá nhảy ra, nhảy vào.
- 31 — Có mặt mà chẳng có đầu,
Lúc nghèo thì bạn với trâu,
Đến lúc vinh hiển gọi có nàng hầu cái
[vú rổ to.
- 32 — Con đống khố, bố cõi trường.
- 33 — Con bắt, con chuột, con xuống, con chơi.
- 34 — Con đánh bố, bố kêu làng, làng chạy ra,
[con chui bụng bố.
- 35 — Con gái mà đứng éo-le,
Chồng con chưa có, kè-kè mang thai.
- 36 — Con chim lí-nhí, uống nước cù-lao,
Ngày thi làm việc Thiên-tào,
Tối chui vào chỗ lí-nhí.
- 37 — Còn bé cho ăn, cho chơi,
Ngày sau khôn nhón mọc b... ngang lưng.
- 38 — Cong cong như cần câu trúc,
Tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát chi gia,
Đàn ông, cho chí đàn bà,
Ai ở buồng ấy chớ qua buồng người.
- 39 — Có kia đội nón chờ ai,
Chớ lấy chú Chiệc mà hoài mắt thân.

- 40 — Có kia con cái nhà ai,
Thắt lưng nhiều trắng, lỗ tai đeo trâm.
Đứng bên nghe tiếng rầm-rầm,
Du đi, du lại ầm-ầm bên tai.
- 41 — Có kia con cái nhà ai,
Cái da xam-xám da chì.
Đầu thời tóc phượng cu-li,
Bốn vú lạnh ngắt đánh thi kêu lên.
- 42 — Cửa tôi, tôi để đầu hè,
Xăm-xăm anh đến, anh dè tôi ra.
Nói ra thì mất lòng người,
Nín đi ướt-át của tôi thế này
- 43 — Cũng xe, cũng lọ, cũng làm quan,
Mũ sắt, đai vàng ngồi chễm-trệ,
Kẻ hầu người hạ đứng nghiêm trang.
Phun lửa lấy khói làm mây,
Sấm dậy vang giời, rồng bay phấp-phới.

CH

- 1 — Chành-chành ba góc, hai lỗ chọc sáu,
Rút ra đổ dầu, hai thằng *đập* (1) chát.
- 2 — Chấm chấm, mút mút, đút vào lỗ trôn.
Hai cái lông l..., cái dài, cái ngắn.

(1) — Đánh.

- 3 — Chân ra chân rết, nuốt hết mọi người.
- 4 — Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến giời,
Không ăn mà để.
- 5 — Chân trắng, mình đen,
Đầu đội hoa sen châu vua Thượng-Đế.
- 6 — Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến giời,
Lo-lửng giữa giời mà đeo bị sỏi.
- 7 — Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến giời,
Lo-lửng giữa giời mà đeo bị tép.
- 8 — Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến giời,
Lo-lửng giữa giời mà đeo bị cát.
- 9 — Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến giời,
Lo-lửng giữa giời mà đeo bị đá.
- 10 — Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến giời,
Đứng-dính giữa giời kêu cha, kêu mẹ.
- 11 — Chân chẳng đến đất, cật chẳng đến giời,
Lo-lửng giữa giời đeo bị *tiền chình* (1).
- 12 — Chân vô số, vẩy vô kê,
Có hai cái cánh lè-lè mà chẳng biết bay.
- 13 — Chim chích mà đậu cành tre.
Thập trên, tứ dưới, nhất dè chữ tám.

(1) — Máu.

- 14 — Chục-chục như con chó thui,
Chín mắt, chín mũi, chín đầu, chín đuôi.
- 15 — Chum trắng đựng nước mắt vàng,
Đến khi nhỡ-nhang lại mở ra ăn.
- 16 — Chữ thập đập chữ viết, chữ viết đập chữ
- 17 — Chừa chết đã đem đi chôn,
Chừa ra đến ngõ, vạch l... xem ghe.
- 18 — Chừa hời đã cưới liền tay,
Bức chi ta nên phải lấy mày.
Đêm nằm to-tưởng sờ cùng mó,
Mó đến mày, lại sướng đến ta.

D

- 1 — Da cóc mà bọc bột lọc,
Bột lọc mà bọc hòn than.
- 2 — Da cóc mà bọc bột lọc,
Bột lọc mà bọc hòn son.
- 3 — Da cóc mà bọc trứng gà,
Mở ra thơm nức, cả nhà muốn ăn.
- 4 — Da cóc mà bọc trứng tiên,
Cửa mua mất tiền mà chẳng được ăn.

- 5 — Đà-dà như đám mây xanh,
Tán vàng, tán tia chạy quanh bốn bề,
Còn duyên, ong bướm đi về,
Hết duyên, dùi đục nằm kề một bên.

D

- 1 — Đã có mai xanh lại yếm vàng,
Ba quân khiêng kiệu, kiệu nghênh-ngang.
Xin theo ông Khổng về đông Lỗ,
Học thói bàn canh nấu chín thạng.
- 2 — Đã đục như bát nước hồ,
Lại trong veo-veo như ngô đĩa đàn (1).
Khi xanh như bó cỏ lan,
Khi đỏ dòi-dọi như tàn nhà vua (2).
- 3 — Đất thì là đất bùn ao,
Ai cầm cây sào sao lại chẳng ngay.
Con ai mà đứng ở đây,
Đứng thì chẳng đứng, vịn ngay vào sào.
- 4 — Đầu bằng con ruồi, dit bằng cái đĩa.
- 5 — Đầu rồng, đuôi phượng te-te,
Mùa đông ấp trứng, mùa hè nở con.
- 6 — Đầu tròn trùng-trục, đuôi dài lê-thê,
Kháp chợ cùng quê ai ai cũng có (3).

(1) — tách đàn. (2) — làng giới chợ. (3) — chó chẳng ra chó, dè chẳng ra dè.

- 7 — Đầu thi đầu trâu, đuôi thi đuôi chuột,
Đánh vút-vút ra thì qua máng cạn,
Năm tháng bạn đuổi theo rập-riu lời
- 8 — Đầu khóm trúc, lưng khúc rồng,
Sinh bạch, tử hồng,
Xuân, hạ, thu, đông bốn mùa có cả.
- 9 — Đầu làng đánh trống da-dã,
Cuối làng có mã bóng lau,
Chạy cho mau, lên rồi sẽ xuống.
- 10 — Đầu bằng thúng, bụng bằng nia,
Ngày thì đi khắp mọi nơi,
Tối về chui vào tai con muỗi.
- 11 — Đầu rồng, đuôi phượng, ống tơ,
Lấy đầu rồng nối nghiệp tổ tông,
Vắt lấy nước cứu bần dân thiên-hạ.
- 12 — Đầu làng đánh trống,
Cuối làng phát cờ,
Trống đánh đến đâu,
Cờ phát đến đấy.
- 13 — Đầu như đao, vĩ như câu,
Trung ương hành quảng, tứ giốc lục châu,
Hữu diện phụ lương đạo,
Tả biên song thực ngư.
- 14 — Đầu tròn, mắt lại đỏ hoe,
Mùa đông chẳng xuống, mùa hè thấy chơi,
Chơi thì chơi khắp gầm giời,
Đại nhân chẳng sợ, sợ người tiểu nhân.

- 15 — Đem thân che gió cho người,
Rời ra mang tiếng con người chả khôn(1).
- 16 — Đề im thì nằm thìn-thít,
Hễ động liếm dít, là chạy từ tung.
- 17 — Đem thì mẹ mẹ con con(2),
Ngày thì chết hết chẳng còn một ai(3),
Còn một ông lão sống giai(4),
Nhàn-nhàn, nhó-nhó chẳng ai dám nhìn.
- 18 — Đi nhe răng, về lại nhe răng.
- 19 — Đi ve vẩy, về nhà rầy chết.
- 20 — Đi thời mở cửa, về thời đóng cửa.
- 21 — Đi thì ăn chốc ngồi trên,
Về thời len-lét đứng bên sớ hè(5).
- 22 — Đi nằm, đứng nằm, ngồi nằm, nằm thì ngồi.
- 23 — Đi đến đấy, gặp nó đấy, lấy được thì lấy,
Không lấy được, thì để nó đấy mà mang
[nó về.
- 24 — Đit cô bay xanh, mình cô bay trắng,
Má cô bay phấn bôi,
Mâm sơn, bát sứ đã từng ngồi,
Trẻ thì lăm người ao ước,
Già thì bỏ bếp thiêu.

(1) — Chẳng thương thì chớ lại cười không khôn.
 (2) — Một mẹ đẻ tám vạn nghìn con.
 (3) — Sớm mai chết hết chẳng còn một ai.
 (4) — Còn một chú khách vắng lai.
 (5) — Lại phải nằm bên xô nhà.

25 — Đónng cộc liểu leo, tả trên, nhục dưới, giải
[boi chèo.

26 — Đổ tục, giảng thanh,
Miệng thì chào anh, hai tay nâng đít.

27 — Đố ai biết vật gì mới sinh ra
Thì là con sên,
Sau hóa ra con bướm,
Lại hóa thành con công.
Công lại biến thành con lừa,
Lừa hóa ra cáo, cáo biến thành con khỉ.

28 — Đòng-Ngó, Gia-Cát chộn lẫn với nhau,
Thằng nào nhẩy ra, bắt chém lấy đầu đem
[chôn lập tức.

29 — Đường đi tiên, mùa xênh-xang,
Cuốc⁽¹⁾ đen len-lỏi, phượng-hoàng nhỡn-nhờ.

30 — Đường ngay thông thổng,
Hai cống hai bên,
Trên hàng gương,
Dưới hàng lược.

G

1 — Gầy gò có bốn cái xương,
Cái giải thông-lông vương anh b... dài.

(1) — Sáo.

GI

1 — Già thì đặc bi-bi-bi,
Con gái đương thì rông toách-toành-toanh.

2 — Giồng một năm, nhằm một tháng, bán một
[ngày, còn bao nhiêu thì đồ đi tất.

3 — Giữa đường bắt được của,
Tìm thấy thì bỏ đi,
Không tìm thấy thì mang về.

H

1 — Hai chân song-sóng, hai bọng áp nhau,
Nhàu-nhàu-nhàu dí một cái.

2 — Hai ngang, hai sỏ, giữa tổ bò cu.
Hai củ từ deo lũng-lẳng.

3 — Hai làng đánh rập ba làng,
Máu chảy đến đầu, ruồi không dám bâu
[đến đấy.

4 — Hai gươm, tám giáo,
Mặc áo da bò,
Thập thò cửa lỗ.

- 5 — Hai cô nằm nghỉ hai phòng,
 Ngày thì mở cửa ra trông,
 Đêm thì đóng cửa lấp giông ra ngoài.
- 6 — Hai anh mà ở hai buồng,
 Không ai hỏi đến, ra tuồng cấm cung,
 Đêm thời đóng cửa cấm trông,
 Ngày thời mở cửa lại trông ra ngoài.
- 7 — Hai tay bưng lấy khư-khư,
 Bụng thì bảo dạ rằng trút vào.
 Trút vào nó sướng làm sao,
 Rập lên, rạp xuống nó rào nước ra.
- 8 — Hai ông mà không có bà,
 Sinh ra con cháu được ba mươi người.
 Mười con *xinh đẹp* (1) tốt tươi,
 Bốn con nhỏ sĩ cử đòi làm quan,
 Tám con voi, ngựa bành vàng,
 Tám con xe, súng dục ngang cả giới.
- 9 — Hai người cùng họ khác tên,
 Nhân duyên đã định vào nơi vợ chồng (2).
 Cười về dễ ở trong phòng,
 Đến khi có giặc *bê bằng nhau* (3).
 Chồng đi trước phá cửa, phá nhà,
 Vợ đi sau giết sạch đàn-bà trẻ con.

(1) — Mặt mũi.

(2) — Mua về mới kết nhân duyên vợ chồng.

(3) — Đùng đùng chạy ra.

- 10 — Hình như con nhạn bay phi,
 Một bên xấu, một bên phi,
 Mỗi niên tiến nhất nguyệt.
 Mỗi nguyệt tiến tam kỳ.
- 11 — Học tập kỳ cho đến hời đầu,
 Văn hoàn dốt đặc, biết gì đầu.
 Bề ngoài ra đáng khôn ngoan lắm,
 Rút cục khôn ngoan chỉ bộ râu.
- 12 — Hữu ngư vô thủy.
- 13 — Hữu thủy vô ngư.
- 14 — Hữu cốt, hữu bì, vô hữu nhục.
 Nghi xuân, nghi hạ, bất nghi đông.

Y

- 1 — Yêu điệu thực nữ, con gái hảo cần,
 Lấy nhau được ba bốn ngày,
 Đến khi vợ dễ, lên ngay giường mừng,
 Vợ dễ, cho vợ cấm cung,
 Trông ra ngoài ngõ kêu liền răng-ca.
 Ra ngoài bờn vợ người ta,
 Vợ nhà nghe thấy chạy ra kêu giới.

KH

- 1 — *Khấp miền thiên hạ, bát vạn thứ hoa* (1),
Mưa xuân thì héo, nắng già thì tươi.
- 2 — Khi điều, khi ngư, cư tại thủy, phần mục
[hương sào thực mục lương.
- 3 — Khi xưa ở huyện loang-toàng,
Ở xã Bạch-Bổ, ở làng Bạch-Y.
Ngày thì thủ-thỉ, thủ-thỉ,
Tối thì rừ-rỉ, rừ-rỉ ra ăn.
- 4 — Khi xưa em trắng như ngà,
Vì chàng quân tử em đã hóa thâm (2).
Trách chàng quân tử vô tâm,
Chàng đánh, chàng đập, chàng lại còn nằm
[với tôi.
- 5 — Khi xưa em đỏ hồng-hồng,
Em đi lấy chồng em bỏ quê cha.
Ngày sau tuổi hạc mấn già,
Quê chồng em bỏ, quê cha lại về (3).
- 6 — Khom-khom mà dòm rẽ nẻ, ăn cho khỏe
[rồi lại khom-khom.

(1) — Cây cao tám vạn nghìn hoa. (2) — Kể sừ, người
mò em đã thất tâm. (3) — Thi em lại nhớ quê cha em về.

- 7 — Không sơn mà đỏ,
8 — Không gõ mà kêu.
9 — Không vót mà nhọn,
10 — Không bào mà nhẵn.
11 — Không uốn mà ngay.
12 — Không vè mà tròn.
13 — Không chân, không tay mà hay mó l...
14 — Không chổng ngời khóc nỉ-non tối ngày.
15 — Không chân, không tay, không mắt, không
[mũi,
Lũ-thũ mà đi cu li không đầu.
- 16 — Không sơn mà đỏ, không gõ mà kêu, không
[kêu mà rưng.
- 17 — Không cánh mà bay mới lạ đời,
Khi thì vượt bể, lúc qua khơi.
- 18 — Không chân mà chạy, không cánh mà bay,
Không vảy mà lội, trong bụng nước sủi,
Ngoài mũi mây bay, ăn cơm phương này,
[đi chơi phương khác.
- 19 — Không giếng mà mọc,
Không học mà hay,
Không vảy mà già,
Không vẩy mà sưng,
Không bụng mà kín.

- 20 — Không sông mà bắc phủ kiêu,
 Không rừng mà có chim kêu trên ngàn,
 Không ruột mà lại có gan,
 Không thờ mà có chim kêu trên giới.
- 21 — Không tre mà có măng mọc,
 Không trâu cày mà có tiếng hò-reo.
 Không chó có tiếng cắn theo,
 Không gà có tiếng ra chiều gọi con.
- 22 — Không cánh mà bay mới lạ đời,
 Đã từng vượt bể lại qua khơi.
 Tiêu-diêu thế-giới ngàn muôn dặm,
 Lịch-lãm xưa nay dễ mấy người.

L

- 1 — Lãm liệt uy phong,
 Máy hồng che phủ,
 Bao nhiêu thú dữ đều phải phục tùng.
- 2 — Loanh quanh thống.
- 3 — Lòng không, ruột lại từ bi,
 Cất lên một tiếng quan trong, quan ngoài.
 Vua ban cho áo, cho đai,
 Cho chức, cho tước với hai nàng hầu.
 Đêm đêm lại bước sang lầu,
 Năm canh lại có quân hầu cả năm.

- 4 — Lỗ trên tót tõe-loe,
 Lỗ dưới tót tõe-lõe.
 Anh bịt lỗ dưới, anh đẽ lỗ trên.
 Cô minh tức, cô phải kêu lên,
 Đã vira nhọc mệt lại thêm mất tiền.
- 5 — Lồm-xồm hai mép những lông,
 Ở giữa có lỗ, đàn ông chui vào.
 Chui vào, rồi lại chui ra,
 Năm thì mười họa đàn bà mới chui.
- 6 — L... già ăn với cà kheo,
 Lại thêm c...-lỗ và dèo nắm lòng.
- 7 — L... già, da dính tận xương,
 Váy xanh mỏng-mảnh mà lại thương b... dài.
- 8 — Lù-lù (1) mà đứng giữa nhà,
 Hễ ai động đến, thì òa khóc lên.
- 9 — Lù-lù chỉ thiên, lù-lù chỉ địa,
 Vạn cảnh la-diễn, kỳ lân cần ái.
- 10 — Lù-lù như mu l... chị,
 Li-sị như đầu b... tôi,
 Ngày thời đi khắp mọi nơi,
 Đến đêm lại chui vào mu l... chị.
- 11 — Lưng tròn vành-vạnh, dít bánh-bao,
 Mán mán, mớ mớ, (2) dút ngay vào.

(1) — Sừng sừng (2) — Sờ chung quanh thấy lỗ.

Thủy hỏa tương giao s^o dĩ sinh-sịch.
Âm dương nhị khí s^o dĩ làm sao.

M

- 1 — Mặt tròn vành-vành tựa như gương,
Con con cháu cháu khắp tứ phương,
Thuở dương thì, màn che, trướng rủ,
Khi về già, dầu nằng, giải sương.
- 2 — Mặt em phương tượng chữ Điền,
Da em thì trắng, áo đen mặc ngoài.
Lòng em có đất, có giờ,
Có câu nhân nghĩa, có nhời hiếu trung.
Dù khi quân tử có dùng,
Thì em sẽ ngỏ tấm lòng cho xem.
- 3 — Mẹ trọc đầu, con gai góc.
- 4 — Mẹ gai góc, con trọc đầu.
- 5 — Mẹ trọc đầu, con cũng trọc đầu.
- 6 — Mẹ xanh để con bánh dện.
- 7 — Mẹ đi trước đánh bông, đánh bạt,
Con đi sau vừa hát, vừa reo.
- 8 — Mẹ mồi con, con cũng mồi con,
Màu da tuy khác, một khuôn tròn.

Góm thay phúc đức nhà ta quá!
Đề tiếng về sau với nước non.

- 9 — Mẹ có cánh, mẹ chẳng biết bay,
Con không có cánh con bay vù-vù,
Mẹ ngồi ở chốn phong du,
Con bay tit mù, mẹ chẳng biết đầu.
- 10 — Miệng chào anh, *tay vành lỗ* (1).
- 11 — Miệng rộng, tai cao, dọc mũi dài,
Lo chi sớm vỡ vôi đeo đai.
Gặp khi lửa đỏ cười ra phá,
Cay mặc ai, mà dắng mặc ai.
- 12 — Minh vàng mặc áo cánh tiên,
Ngày năm bảy vợ, năm đêm kêu giờ.
- 13 — Minh đồng, da sắt, đứng giữa cửa quan,
Gươm giáo chẳng sợ, chỉ sợ ông cào gan,
[móc ruột.
- 14 — Minh bằng quả chuối tiêu,
L... bằng vỏ trấu, lỗ bằng niêu.
- 15 — Minh tròn, da lại trắng tinh,
Hễ nóng đến mình thì uốn vù ra,
Ăn phải thịt gà, thì tịt vù đi.
- 16 — Minh bằng cái phản, dầu đội bốn sào,
Vừa ngăn lá thắm, vừa rào chim xanh.

(1) — Hai tay nâng dí.

- 17 — Minh dài một thước, cõ mọc lông mao,
Gặp người quân-tử, xô ngay vào.
- 18 — Minh tròn bằng quả chuối tiêu,
Đeo dây, đeo giự, đeo niêu cả ngày.
- 19 — Minh tròn chùng-chục,
Quận khúc kỳ-lân,
Ba bốn mươi chân, miệng bằng cái đĩa.
- 20 — Minh tròn chùng-chục,
Một khúc kỳ-lân,
Chết đến bản thân hã còn chèo hát.
- 21 — Minh tròn, lưng không-không-khong,
Làm cho con gái phải lòng tã-toi,
Ông sư có biết cái không-không-khong là gì?
- 22 — Minh tròn chùng-chục, đầu toét-tòe-loe,
Đút vào cô con gái, cô con gái nghe,
Đút vào bà lão, bà lão lắc.
- 23 — Minh mặc áo đoạn thâm,
Cỏ quàng khăn nhiễu trắng,
Hẽ mở miệng ra, ai cũng muốn mắng.
- 24 — Minh dài một tấc,
Áo mặc đề-đa.
Bác mẹ sinh ra vô ngôn, bất ngữ,
Đến ngày chí tử, mới nói nhất ngôn.
- 25 — Minh đen như quạ, da trắng như hồng,
Giữa thắt cổ bông, đit đeo nôi nước.

- 26 — Minh tròn lưng không-không-khong (1),
Dây tơ vẫn vít con ong nửa vôi.
Chơi thì tìm chốn thanh thoi (2),
Bắt con long thỏ ghẹo người Thủy Cung (3).
- 27 — Mỗi người một nước, một nơi,
Cờ sao lại đặt hai người một tên.
- 28 — Mỗi người mỗi nước, mỗi nơi,
Làm thân con gái nằm chơi trên bụng chồng,
Thiếp tôi may áo cho chồng,
Còn như thân thiếp thì không mặc gì.
- 29 — Mỗi người một nước, một non,
Cờ sao thiếp lại nằm trên bụng chồng.
Đói, no thiếp để trong lòng,
Áo mặc cho chồng, thiếp chẳng bận chi.
Thiên-hạ lắm kẻ yêu vi,
Giàng di, kéo lại cũng chẳng bận chi đến
[chồng.
- 30 — Mồm bò, không phải mồm bò,
Lại phải mồm bò.
- 31 — Mồng năm, mồng sáu cải tử hoàn sinh,
Rằm, mười sáu đang xinh,
Hai mươi, hai mốt ra tình đã hao,
Sò thiên-tào ba mươi thì chết.
- (1) — Bàu tròn, đit lại cong cong.
(2) — Nghe tin chàng đã tới nơi.
(3) — Bắt con đen trắng ghẹo người thủy-cung.

- 32 — Một mẹ năm, trăm con gỏi.
33 — Một mẹ năm, trăm con bước.
34 — Một người làm quan, cả nhà được đi làm.
35 — Một sống, hai mái, dài không biết ia.
36 — Một trăm con rắn cắn một con trâu.
37 — Một cột mà có hai vách rách không ai vá.
38 — Một trăm tấm ván, một vạt thặng quân.
Thặng nào cỡi trần cũng lăn xuống hố.
39 — Một đàn cò trắng phau phau,
Ăn no tắm mát rủ nhau đi nằm.
40 — Một cây có sáu trăm hoa,
Một hoa bốn nhị ai là chẳng yêu.
41 — Một lòng vì nước vì nhà (1),
Người mà không biết, giới đã biết cho.
42 — Một ông chứa đám, tám ông đang-cai,
Ruợc hòn đá mài về chùa Hương-Tích (2).
43 — Một cây mà có năm cành,
Giấp nước thì héo, (tê) dành thì tươi.
44 — Một cây mà nở trăm hoa,
Chỉ có một quả chẳng già, chẳng non.
45 — Một cây mà có đôi cành,
Những người quân-lữ rấp-ranh chơi bời.

(1) — Lòng ngay giữ lấy nước nhà.

(2) — Lưng đeo đá mài, chân đi khùng-khiêng.

- 46 — Một cây mà có hai cành.
Có hai thấng bé rập-rênh trên cây.
47 — Một chổi mà quét hai hè,
Quét đi, quét lại, lại đề lỗ tròn.
48 — Một củ nà có bốn rễ,
Hai người lê-mễ bung lên.
49 — Một cây mà có đôi cành,
Lá sắp, lá ngửa, lá xanh ròn-ròn.
50 — Một vại mà kê hai chân,
Con dao, cái cuốc để gần một bên.
51 — Một bề cột leo, mười sáu bề kèo,
Lòng son chỉ đỏ, phượng leo tứ bề.
52 — Một năm có mười hai tháng,
Một tháng có ba mươi ngày,
Chọn một ngày giồng cây không rễ.
53 — Một người nằm, một người ngồi,
Đút vào sường lăm em ơi,
Rút ra đánh choách, miệng cười toét tõe loe.
54 — Một mẹ sinh được hai con, giai gái vương
[tròn,
Gái đẹp như tiên, ai cũng muốn trông.
Giai xấu như quỷ chẳng ma nào nhìn.
55 — Một lữ ăn mày, một lữ quan,
Quanh đi quẩn lại cũng một đoàn.
Đem thu gió lạnh đèn thời tắt,
Hết cả ăn mày, hết cả quan.

- 56 - Một cây có quả, có hoa,
 Vì chung không lá chẻ già, chẻ non.
 Đón bên quân tử giao ngôn,
 Suy đi, tỉnh lại vẫn còn hồ nghi.
- 57 - Muốn qua cửa quan phải có văn chỉ,
 Nếu không có văn chỉ thì chặt đầu đi.
- 58 - Muốn cho cho chúa tôi giàu,
 Để tôi lấy mỡ, lấy dầu tôi ăn.
- 59 - Muốn cho cho chúa tôi tàn,
 Để tôi mắc võng nghênh-ngang khắp nhà.

N

- 1 - Năm thằng cầm hai cái sào,
 Đuôi đàn trâu trắng chui vào trong hang.
- 2 - Năm thằng đội năm cái mũ bằng sừng
 Rủ nhau lên rừng bắt con tê bì.
- 3 - Năm ông, năm mũ rủ nhau lên rừng (1),
 Bắt được thằng hùng, tra vào cối đá (2).

(1) - Năm ông, đội mũ mọc chày lên rừng.
 (2) - Bắt được thằng tráo-trung bỏ vào hang đá, hoặc
 được con tằm tưng về cho bà ừ ự.

- 4 - Năm anh đứng bên kia sông,
 Năm cô đứng bên này sông,
 Năm anh mới xô vào lòng năm cô.
- 5 - Năm co, ơi hồi năm co,
 Ta thấy mình đến, ta cho mình mần.
 Mần song, ta lại năm co.
- 6 - Nổi lòng kìn chẳng ai hay,
 Rõ-ràng mặt ấy, mặt này chờ ai.

NG

- 1 - Ngả lưng cho thế-gian nhờ,
 Vừa êm, vừa ấm lại ngờ bất trung.
- 2 - Ngoài xanh, trong trắng như ngà,
 Đực ông cũng chuộng, dực bà cũng yêu.
- 3 - Nghĩ mình phận đã vè tròn,
 Dầu bao than lửa chẳng mòn được nao.
 Long, ly, qui, phượng, sánh vào,
 Đem mà vi với cao (1) cao kém gì.
- 4 - Người ngắn mà ngậm tăm dài,
 Đội nón chẳng đội, đội quai lên đầu.

(1) - Giới.

- 5 — Người chẳng ra người, ma chẳng ra ma,
Đít thời đàn bà, đầu thời đàn ông.
- 6 — Người thì cao hơn trượng phu,
Đóng mười lần khố chật củ ra ngoài.
- 7 — Người đứng bên kia sông,
Người đứng bên này *sông* (1),
Đuổi nhau kỹ cùng chẳng bắt được nhau.
- 8 — Người vàng lại mặc áo vàng,
Giã ơn lòng chàng cho tắm ao sen.
Giã ơn người ấy vớt lên,
Lại lên mình trần.

NH

- 1 — Nhà đen lại đóng đồ đen,
Trên thì sấm động, dưới thì đèn chong.
- 2 — Nhà xanh lại đóng đồ xanh,
Giữa đồ giồng hành, thả lợn vào trong.
- 3 — Nhà vàng lại đóng đồ vàng,
Khách đi qua đàng chẳng dám vào chơi.
Khách vào, khách hãy nghỉ ngơi,
Mẹ cháu đi chợ mua vôi tèm giầu.

(1) — Đòng.

- 4 — Nhãn-nhụi mà lại sắn-siu, dốt đặc mà lại
[hay chữ.
- 5 — Nhất khẩu, tứ tu, dủng-dỉnh giang-hồ,
Nhị nhân đồng bá.
- 6 — Nhất thủ, tam nguyên tiếng đồ đầu
Tiếng tăm lừng lẫy khắp đầu đầu.
- 7 — Nhất mâu sinh tứ tử,
Tứ tử du tứ phương,
Nhật nhật thường âm thủy chi trung.
- 8 — Nhất gia lưỡng phòng, sinh đắc nhị nam,
[ngũ nữ
Thành gia bách sự đả đắc loạn như ma,
Chực đắc phân minh bá.
- 9 — Nhị hình, nhất thể, tứ chi, bát đầu,
Tứ bát nhất bát phi toàn ngưỡng lưu.
- 10 — Nhị cửu nhất thập bát, nhị phi nhất thập bát,
Tam bát nhị thập tứ, nhị phi nhị thập tứ,
Tứ thất nhị thập bát, nhị phi nhị thập bát,
Ngũ lục tam thập chi, nhị phi tam thập chi.

Ô

- 1 — Ốc đậu cọc cầu ao, cọc cầu ao ốc đậu.

- 2 — Ổi anh cắp sách đi thi,
Ba xe chạp lại chữ gì hờ anh?
- 3 — Ông béo mà lẹo bà gầy,
Rút ra chẳng được *lấy chày* mà *đâm* (1).

O'

- 1 — Ở trong khúc gỗ chui ra,
Minh trắng như ngà, *đit lại xanh xanh* (2).
- 2 — Ởn vua mà được áo vàng,
Có ấn, có quyết vẻ vang trong Triều.
Mười một, mười hai thì có kẻ yêu,
Mười ba, mười bốn ai chiều làm chi.

PH

- 1 — Phi long, phi li, phi hồ, phi tý,
Phi cầm thú, nhân-luân chi loại,
Năng thực nhục, bất năng ẩm lửu.
- 2 — Phong lưu đài tạ trong nhà,
Khi vào là rắn, khi ra là rồng.

(1) — Nhớ thầy kinh keng. (2) — Đâu đó, đit xanh.

- 3 — *Phôm-phốp* (1) như cái bàn tay,
Ban đêm thì có, ban ngày thì không,
Dưới bụng thì trắng, như bông,
Trên lưng nhẵn thín không lông đen xi.
- 4 — Phơn-phớt môi son đỏ đỏ tươi,
Gặp người ngoại-quốc ắt không mời,
Nhặt nòng phỏ mặc lòng ưa thích,
Thắm, mận duyên lành phải chọn nơi.

Q

- 1 — Quê em vốn ở sơn lâm,
Sinh ra em vốn hồng tâm hắc bì.
Đem ra cho đến Kinh ký,
Tìm nơi bạch hổ, ta thì kết duyên.

R

- 1 — Rành-rành ba góc, giữa con cóc ngồi,
Hai bên thiên-lôi, hai bên địa võng.
- 2 — Rành-rành ba góc rành-rành,
Khi thì ẹp lại, khi thì vảnh ra.

(1) — Hùm hụp.

Khi vui, thì sướng hay là,
Khi buồn, thì chảy nước ra ri-ri.

3 — Răng đen nhưng-nhức, mặt diêm hình giăng,
Chồng con chẳng lấy, đi ở với làng.
Bao nhiêu trộm cướp, dòn cũng chịu,
Lúc chết, làng lại phải để tang.

4 — Răng trên ghế ngựa nhà ta,
Có cây một thước, có hoa bốn mùa.

5 — Rau âm phủ nấu với mù l... tiên,
Ngựa cửa quyền nấu với ả l... treo.

6 — Rậm râu, sâu mắt, thật là già,
Giời mưa tầm-tã mới bò ra,
Có khi mở miệng vang lừng khắp,
Già trẻ nào ai trái lịnh ta.

S

1 — Sông sâu, giếng hoắm, cờ cắm tứ-vi,
Kẻ chọ ta thì đánh nhau lớp-đớp.

2 — Sông tròn vành-vạnh, nước đục lơ-lờ,
Thằng lặn, thằng lụp, thằng thò đầu lên.

3 — Sông không đến, bến không vào,
Lơ-lửng giữa giời làm sao có nước.

4 — Sông tròn vành-vạnh, nước đỏ như vang,
Con rắn nằm ngang, lấy sào mà đẫy.

5 — Sông tròn vành-vạnh, nước lạnh xòng hơi,
Bắc cầu ông địch, sang chơi ông bờ.

6 — Sông tròn vành-vạnh, nước lạnh như tiền,
Con gái như tiên, dâm dầu mà lặn.

7 — Sông tròn vành-vạnh, nước lạnh tò-o,
Mẹ nằm chịt bú, em no cái còi.

8 — Sông Thao nước đục lơ-lờ,
Có hai thằng bé đánh cờ giữa sông.

9 — Sột-sạt như lá chuối khô,
Hai bên nước chảy như hồ Long-vân(1).
Từ quan cho chí đến dân,
Ai ai cũng phải uống nước *Long-vân chi hồ(2).*

10 — Sớm đi bốn chân, trưa đi hai chân,
Chiều đi ba chân, tối đi tám chân.

11 — Sừng-sững mà đứng giữa giời,
Dơ vậy, dơ cánh, nuốt người như không.

12 — Sừng-sững mà đứng cửa quan,
Giáo đâm không chết, lòi gan ra ngoài.

13 — Sừng-sững mà đứng giữa nhà,
Ai vào không hỏi, ai ra không chào.

(1) — Đồi bên đông hồ, nước chảy vụn vụn.

(2) — Vụn vụn Tây-hồ.

- 14 — Sừng-sững mà đứng góc hồ,
 Ai đem người ngọc tới ra cho.
 Người tổ-liêu mặc quần tổ-liêu,
 Cỏ liêm-chi đeo hột tâm-toi.

T

- 1 — Tai nghe, miệng nói, dit làm vua.
 2 — Tay cầm bán nguyệt xênh-xang,
 Làm tôi, vì chúa sửa sang cõi bờ.
 3 — Tam thủ, tam vĩ, lục nhân, lục nhĩ,
 Tứ túc chỉ thiên, tứ túc chỉ địa.
 4 — Tam vương đồng đảo công đồng,
 Đợi đến canh tân lên qui tị,
 Chờ cho phạm tì đảo đồng chung.
 5 — Tầm phanh, tầm phạch, tầm phanh,
 Khi vui, vui quá, khi buồn, buồn tênh.
 Khi xưa nó đổ như dâ,
 Bởi anh chơi ác nó đã thâm thâm.
 6 — Ti-nhi như cái nhị đào,
 Giải phạm-phu chơi năm ba chiếc,
 Giải lịch sự nịch mãi vào.
 7 — Tinh người đã hay chơi chim,
 Bao nhiêu con gái lại tìm mà ồm.

- 8 — Tiếng thanh cảnh để về sau,
 Thà rằng nước lã ăn rau cũng đành.
 9 — Tiểu đầu, lục túc, đại khúc vô y,
 Năng ẩm huyết, bất năng ẩm tửu.
 10 — Tôi ăn trước, tôi lại ăn thừa,
 Ngày ngày giúp chúa, châu vua nhọc nhằn.
 11 — Tuổi em chừng độ mười chín, đôi mươi,
 Kẻ chê thất tuyết, người cười *bất trung* (1).
Dù chẳng nên đạo vợ chồng (2),
 Viết năm ba chữ bõ công mà về.
 Làm nên ngựa cười, tàn che,
 Lấy năm bảy vợ, cũng vì có em.
 12 — Từ khi thiệp tới cửa chàng,
 Có sao chàng để nằm ngang chàng dùi.
 Buông ra cho thiệp kêu giới,
 Kéo rồi lại có kẻ cười, người chê.
 13 — Từ tử mà chấn tứ phương,
 Dạ dạ qui tâm mẫu.
 14 — Tử-Lộ vấn tân, Tử viết Thủy-tai,
 Thủy tai hà thủ ư thủy.
 15 — Trượng hình quân tử chường,
 Tử diện bát quái đồ,
 Nguyệt vọng giang hồ, tồn khản lập túc.

(1) — Lắm lông (2) — Thương sao cho vẹn chữ tông.

TH

- 1 -- Than thân dòng mỏng như là,
Thế gian ai cũng gọi ra hại lẫn,
Tìm nơi quân tử gửi thân,
Biết đâu là tỏ nó gần hay xa.
- 2 -- Thân em phồng độ mười tám, đôi mươi,
Nực thời dùng đến, rét thời bỏ đi.
- 3 -- Thân tròn chùng-chục, quá dài bao,
Thấy lỗ lăm-le dứt tọt vào,
Thủy-hỏa tương-giao xói xình-xịch.
Nhờ cô một khối sừng làm sao.
- 4 -- Thầy khoe hay chữ thuộc lâu,
Chủ nhà đi vắng đâu,
Ai hỏi văn-chương, thầy cũng không dám thờ.
- 5 -- Thoạt vào thì vén váy lên,
Cái dưới mấp má, cái trên gạt gù.
- 6 -- Thung-thúc mà bọc ngoài da,
Kỳ lân, sư-tử chẳng qua mũi này.
Thiên-hạ cùng-lấy làm thầy,
Vua quan cũng chuộng, chúa này cũng yêu.
- 7 -- Thuyền son son, mũi thuyền bằng vàng,
Đem ra mà chở mười nàng tiểu-tinh.
Trách chàng quân-tử bạc tình,
Bước ra chẳng dặn tiểu-tinh vài lời.

- 8 -- Thuở bé em có hai sừng,
Đến khi nửa chừng, thì nhón bụng ra,
Đến năm ba mươi tuổi già,
Em nhớ lúc cũ, lại ra hai sừng.
- 9 -- Thượng thò, hạ bắt thò,
Hạ thò, thượng bắt thò,
Đến khi co lại, thượng, hạ giai bắt thò-thò.

TR

- 1 -- Trần dầu tóc phượng long, li,
Dưới lưng bốn vú, dăm thì vãi ra.
- 2 -- Trèo lên nghi-ngút,
Đánh xuống thi-thụp.
Chẳng đánh, chẳng ra,
Đánh thì vãi ra dây chiếu.
- 3 -- Trên lông, dưới lông, tối lông làm một.
- 4 -- Trên tàn rách, dưới trạch khô,
Ba tiếng ty hò chào gậy múa bát.
- 5 -- Trên tàn rách, dưới quạt che,
Ba tiếng ỷ-e, chèo mũi, chèo lái.
- 6 -- Trên bằng da, dưới lại bằng da,
Đút vào thì ấm, rút ra lạnh-lùng.
- 7 -- Trọc đầu mang tiếng bắt lương,
Chẳng vương một tí, để vương còn gì.

- 8 — Tròn vành-vạnh, trắng phau-phau,
 Ăn no, tắm mát, rủ nhau đi nằm.
- 9 — Trong hang trong hốc, lóc-nhốc bò ra,
 Cả huyện cùng nha chẳng ai bắt được.
- 10 — Trong trắng, ngoài xanh,
 Ở giữa dòng danh, hai đầu trống hồng.
- 11 — Trông ra thăm-lhăm lại mênh-mông,
 Chẳng có một người lại bảo đông,
 Đứng mái lầu tây nhìn ngoảnh lại,
 Xa-xa chỉ thấy đám mù không.

V

- 1 — Vô thủ, vô nhĩ, vô nhãn, vô vĩ,
 Hữu thiệt vô khẩu, năng thực nhục, bất
 [năng ẩm tửu.]
- 2 — Vô thủ, vô vĩ, vô nhĩ, vô tâm.
 Vốn tại sơn-lâm, hay ăn thịt sống.
- 3 — Vốn dòng quân-tử xưa nay,
 Mà lòng ái-quốc khi dầy khi vơi.
- 4 — Vốn xưa quê ở Thổ-Hà,
 Ai ai cũng gọi tên là con quan.
 Dốc lòng việc nước lo toan,
 Đầy vơi phó mặc thế-gian ít nhiều.
- 5 — Vừa bằng con gà sống dở, thò-lõ trên cây

- 6 — Vừa bằng cái nong, cả làng đông chả hết.
- 7 — Vừa bằng đốt tay thay-lay bọng máu.
- 8 — Vừa bằng quả bí nhi-nhi những hột.
- 9 — Vừa bằng con bò nằm co giữa ruộng.
- 10 — Vừa bằng lá tre sung-soe đánh vật.
- 11 — Vừa bằng hột đỗ ăn đỗ cả làng.
- 12 — Vừa bằng lá tre, le-the mặt nước,
- 13 — Vừa bằng cái bát, san-sát giữa đồng.
- 14 — Vừa bằng quả mướp ăn cướp cả làng.
- 15 — Vừa bằng cánh cửa nằm ngửa giữa gò.
- 16 — Vừa bằng quả cà, trong da ngoài nạc.
- 17 — Vừa bằng hột lạc, trong nạc ngoài xương.
- 18 — Vừa bằng cái lá đa, đi xa về gần.
- 19 — Vừa bằng hạt máu, suốt sáu gian nhà.
- 20 — Vừa bằng cái đố đánh đồ bố mày.
- 21 — Vừa bằng cái hũ thô-lỗ xuống ao.
- 22 — Vừa bằng bó củi thui-lụi bờ ao,
 Chó cắn xón-xao là thằng kẻ trộm.
- 23 — Vừa bằng cổ tay đâm ngay vào l...
 Gặp ông quan ôn, bỏ l... mà chạy.
- 24 — Vườn rộng thênh-thang,
 Trúc mọc đôi hàng,
 Chim kêu thánh-thót.

- 4 — Xưa kia em ở trên rừng.
Đem về tạc tượng độ chừng sáu mươi
Làm cho lở đất, long gò (2).
Bao giờ chín chục thì người mới già.
-

- (1) — Em xuống hạ giới tuổi chừng sáu mươi.
(2) — Bao giờ tuổi tác châu gò.
(3) — Thì em đã được chín mươi tuổi liền.

GIẢNG CÁC CÂU ĐỐ

A

1. — Miếng cau và miếng giầu. 2. — Chữ Tất 必
3. — Cái ống nhỏ. 4. — Con ruồi. 5. — Cây chuối.
-

Ă

1. Cái bào.
-

B

1. — Ba ông đồ rau và nồi com. 2. — Gầu sông tát
nước. 3. — Một tháng. 4. — Miếng giầu. 5. — Cối giã
giầu. 6. — Bể thổi lửa. 7. — Củ khoai sọ. 8. — Đánh
đồ gạo. (?) 9. — Quả chay. 10. — Tượng Phật.
11. — Bánh dầy. 12. — Cũng bánh dầy. 13. — Cái
cày. 14. — Cái cối xay. 15. — Ấm nước và bốn cái
chén. 16. — Khung cử. 17. — Con chuột. 18. — Con
trâu. 19. — Con voi. 20. — Đồng tiền và quan tiền

kẽm. 21. — Bàn cờ. 22. — Cái máng. 23. — Bốn con chuột: chuột cống, chuột nhắt, chuột chù và chuột đồng. 24. — Quan tiền kẽm.

C

1. — Bình vôi. 2. — Đồi dưa cải. 3. — Cái chồi. 4. — Mặt người. 5. — Cái váy. 6. — Cái máy khâu. 7. — Cái ống chân. 8. — Lòng cha mẹ. 9. — Người kéo vó. 10. — Cây lúa. 11. — Cây soan. 12. — Lá giầu-không. 13. — Rau sam. 14. — Cái lọng. 15. — Cái điều. 16. — Hạt mưa. 17. — Cây cau. 18. — Quả gấc. 19. — Cái điều vằng. 20. — Củ ấu. 21. — Mái nhà. 22. — Cây cau. 23. — Con gà. 24. — Cây ngô. 25. — Đường cái di. 26. — Chữ Hi 義. 27. — Con dao. 28. — Cái yếm. 29. — Đòn gánh. 30. — Cối giã giò. 31. — Cái trống. 32. — Cây tre. 33. — Tử Cầm, Tử Cống, Tử Hạ, Tử Du, 子 鷺, 子 貢, 子 夏, 子 游. 34. — Cái mỗ và cái dùi mỗ. 35. — Chữ Thủy 始. 36. — Ngòi bút lông và thắp bút. 37. — Cây ngô (?). 38. — Cái hương sen. 39. — Chữ An 安. 40. — Cái cối xay. 41. — Cái chuông. 42. — Hòn đá mài. 43. — Cái điều.

CH

1. — Cái lò rèn. 2. — Xỏ kim. 3. — Cái nhà. 4. — Cây bèo. 5. — Nén hương thấp. 6. — Quả lựu. 7. — Quả bưởi hay quả bòng. 8. — Quả òi. 9. — Quả thi. 10. — Cái điều sáo. 11. — Quả gấc. 12. — Cái nhà có hai trái hai bên. 13. — Chữ Đức 德. 14. — Con chó thui. 15. — Quả trứng. 16. — Chữ Chương 章. 17. — Người cầm bó rơm đi xin lửa. 18. — Cái quạt.

D

1. — Quả nhãn. 2. — Quả vại. 3. — Quả mít. 4. — Củ nâu. 5. — Giàn mướp.

Đ

1. — Con cua đồng. 2. — Đám ruộng lúa. 3. — Chữ Hiếu 孝. 4. — Lá giầu-không. 5. — Buồng cau. 6. — Cái gáo múc nước. 7. — Cái thoi dệt vải. 8. — Con tôm. 9. — Con ngựa. 10. — Thuyền đầu cuối bãi (tại con muỗi). 11. — Cây mía.

12. — Con chó sủa. 13. — Chũ Quy 龜. 14. — Con
 ngáo. 15. — Cái gạt. 16. — Cái tem dán thư
 (timbre). 17. — Bầu giời. 18. — Cái bừa. 19. — Cái
 áo. 20. — Con ốc. 21. — Cái nón. 22. — Cái
 bàn chân. 23. — Cái gai chân giẫm phải. 24. — Cái
 bánh dầy. 25. — Chũ tùy 隨. 26. — Túi đựng
 giầu. 27. — Người ta. 28. — Rang lúa. 29. — Cái
 khung cửi. 30. — Cái mặt.

G

1 — Cái vó.

GI

1 — Cau lúc già và lúc là cau hoa. 2. — Cây
 lá móng. 3. — Gai giẫm phải.

H

1. — Cái kéo. 2. — Chũ kỳ 其. 3. — Ăn giầu
 và quét giầu. 4. — Con cua. 5. — Hai con mắt.

6. — Cũng là hai con mắt. 7. — Ăn mía. 8. — Bộ
 tam cúc. 9. — Lược thưa và lược bi. 10. — Chũ
 bát 八. 11. — Bút lông. 12. — Cái mõ. 13. — Bát
 nước. 14. — Cái quạt.

Y

1 — Gà mái và gà sống.

KH

1. — Các ngôi sao. 2. — Con cá đuối. 3. — Con
 rận. 4. — Cái chiếu. 5. — Cái nồi đồng. 6. — Thợ xẽ.
 7. — Mặt giời. 8. — Sấm. 9. — Cái gai. 10. — Thân
 cây chuối. 11. — Thân cây cau. 12. — Quả bưởi.
 13. — Cái nia. 14. — Kèn đám ma. 15. — Con
 ốc. 16. — Mặt giời, sấm và mưa. 17. — Cái thuyền.
 18. — Chiếc tàu thủy. 19. — Cây cỏ, chim hót,
 sru thuế, cái nhọt và quả trứng. 20. — Khung
 cửi. 21. — Cái áo. 22. — Tờ báo.

L

1. — Quả núi cao. 2. — Khổ đóng. 3. — Cái trống.
 4. — Cái điều thuốc lã. 5. — Cái áo toi. 6. — Miếng
 giầu thuốc. 7. — Cối giã gạo. 8. — Cái cối xay.
 9. — Bụi tre. 10. — Con rùa-rùa. 11. — Cái điều
 thuốc lã.
-

M

1. — Cái hương sen. 2. — Quyền sách. 3. — Cây
 mít. 4. — Cây bưởi. 5. — Cây đu-đu. 6. — Quả
 khế. 7. — Gà mẹ và đàn gà con. 8. — Đồng bạc,
 hào và xu. 9. — Cung tên. 10. — Túi đựng giầu.
 11. — Cái điều ống. 12. — Con gà sống. 13. — Cái
 khóa cửa. 14. — Con chuột. 15. — Bánh da sát kê.
 16. — Cái màn. 17. — Cây cỏ may. 18. — (?).
 19. — Cái nơm. 20. — Con ốc. 21. — Cái lược.
 22. — Đôi hoa tai. 23. — Con quạ khoang.
 24. — Cái pháo. 25. — Trõ xôi. 26. — Câu cá.
 27. — Lược thưa và lược bí. 28. — Cối xay.
 29. — Cối cối xay. 30. — Con ốc. 31. — Mặt
 giăng. 32. — Cái nóc nhà. 33. — Cái bực cửa.
 34. — Khóm khoai. 35. — Cái nhà. 36. — Nóc

- nhà. 37. — Tàu lá chuối. 38. — Sàng gạo. 39. — Cái
 rổ bát. 40. — Quan tiền kềm. 41. — Cái máng.
 42. — Con cua. 43. — Bàn tay. 44. — Cái càn.
 45. — Cái đàn hai dây. 46. — Cây ngô. 47. — Đuôi
 con trâu. 48. — Cái gầu dầy. 49. — Quan tiền kềm.
 50. — Chũ Tắc 則. 51. — Đuôi con trâu. 52. — Cây
 nêu. 53. — Mẹ cho con bú. 54. — Mặt gời và
 mặt giăng. 55. — Đền kéo quân. 56. — Cái càn.
 57. — Kim, chỉ. 58. — Con dãn. 59. — Con dện.
-

N

1. — Và com. 2. — Bắt chấy. 3. — Tay bắt
 chấy mồm cắn. 4. — Năm khuy áo. 5. — Cái túi.
 6. — Cái trống.
-

NG

1. — Cái phản. 2. — Quả cau. 3. — Cái vung
 nôi. 4. — Bình vôi. 5. — (?). 6. — Cây chuối
 có hoa. 7. — Hai tai cối xay. 8. — Con giông.
-

NH

1. — Bếp nấu cơm. 2. — Cái bánh chưng.
 3. — Tờ ong. 4. — Đồng tiền. 5. — Cái gầu dây.
 6. — Bút lông. 7. — Cái gầu giai. 8. — Cái bàn tính.
 9. — Chữ tỉnh 井. 10. — Hai chữ thập, nhất 什 —.
-

Ô

1. — Chữ phi 非. 2. — Chữ oanh 轟. 3. — Cái khóa.
-

Ơ

1. — Phầm oản. 2. — Quyền lịch.
-

PH

1. — Con dao. 2. — Cái xà nhà (lúc ở trên mái và lúc long-ra). 3. — Con ếch. 4. — Miếng giầu.
-

Q

1. — Củ nàu nhuộm vải.
-

R

1. — Hai cái vù. 2. — Cái quạt. 3. — Cái trống.
 4. — Bàn đèn thuốc phiện. 5. — Măng nấu với rươi, cua nấu với khế. 6. — Thằng mõ.
-

S

1. — Ngô rang. 2. — Nồi ươm tơ. 3. — Quả dứa.
 4. — Đĩa dầu thắp đèn. 5. — Nấu rượu.
 6. — Bánh chò. 7. — Hũ cất rượu. 8. — Nồi cơm và dôi dũa cả. 9. — Vú sữa. 10. — Người ta.
 11. — Cái nhà. 12. — Cái khóa. 13. — Cái cột. 14. — Cây dứa.
-

T

1. — Chữ Thánh 聖. 2. — Cái liềm. 3. — Hai người khách có bím khiêng con lợn quay. 4. — Nồi

nước bắc bếp. 5. - Cái quạt. 6. - Hoa cỏ may.
 7. - Cái yếm. 8. - Quả chanh. 9. - Con rắn.
 10. - Người nhà bếp. 11. - Cái bút lông. 12. -
 Cái điếu. 13. - Cái gầu giai. 14. - Chữ Duật 斗.
 15. - Mạng dện.

TH

1. - Con chuồn-chuồn. 2. - Cái quạt. 3. - Cái
 điếu. 4. - Cái tử sách. 5. - Dệt cửi. 6. - Kim
 chỉ. 7. - Đòi giầy chân di. 8. - Mặt, giảng.
 9. - Người đắp cái chiếu ngắn.

TR

1. - Cái chuông. 2. - Cũng cái chuông. 3. - Con
 mắt. 4. - Người ăn mày. 5. - Cũng người ăn
 mày. 6. - Đòi giấy. 7. - Chữ chủ 主. 8. - Chồng
 bát. 9. - Cái rằm. 10. - Miếng giầu-không.
 11. - Bể Đông.

V

1. - Con dao. 2. - Cái thớt. 3. - Ấm bình
 tích. 4. - Cũng ấm nước. 5. - Bắp chuối. 6. -

Cái giếng. 7. - Quả sim. 8. - Nồi com. 9. -
 Cái mả. 10. - Cái kéo. 11. - Điếu thuốc lào.
 12. - Con đĩa. 13. - Bước chân trâu. 14. - Con
 chuột. 15. - Tàu lá chuối. 16. - Cái mề gà.
 17. - Con ốc vặn. 18. - Bàn chân. 19. - Ngọn
 đèn. 20. - Điếu thuốc lào. 21. - Hoa chuối.
 22. - Thằng kẻ trộm. 23. - Con chuột và con
 mèo. 24. - Trường học. 25. - Con dom-dóm.
 26. - Mặt gời. 27. - Con hùm. 28. - Râu tôm.
 29. - Con dom-dóm. 30. - Bó mạ. 31. - Mâm
 com. 32. - Cái hoa cái. 33. - Cái đèn. 34. -
 Con sâu róm. 35. - Củ từ. 36. - Hạt mưa.
 37. - Cái gối.

X

1. - Hút thuốc lào. 2. - Con gà sống thiện.
 3. - Cái chiếu. 4. - Cái chày (tiếng hàng chày
 60 chiu chục chày gầy).

HẾT

